

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Đỗ Huy Đạt	Ủy viên
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên
Bà Lại Thị Vinh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Huy Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Cảnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Kiên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Đỗ Huy Đạt - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo Giấy ủy quyền số 070/GUQ ngày 18/04/2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Huy Đạt
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Số: 075/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/03/2021, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.360.608.819	46.623.538.227
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	22.833.025.727	4.044.995.875
1. Tiền	111		22.833.025.727	4.044.995.875
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.995.946.672	34.375.300.102
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.724.627.348	7.335.905.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.712.928.227	4.811.195.344
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	100.000.000	16.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.908.530.873	6.678.338.726
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(450.139.776)	(450.139.776)
III. Hàng tồn kho	140	10	7.945.248.316	7.886.387.181
1. Hàng tồn kho	141		7.945.248.316	7.886.387.181
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.586.388.104	316.855.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.586.388.104	316.855.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.837.444.354	36.209.698.845
I. Tài sản cố định	220		35.593.727.454	29.901.216.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	35.099.727.454	29.901.216.154
- Nguyên giá	222		89.615.293.725	79.411.711.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.515.566.271)	(49.510.495.489)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	494.000.000	-
- Nguyên giá	228		570.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(76.000.000)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	4.905.448.004	4.530.543.915
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.905.448.004	4.530.543.915
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.933.690.061	500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	500.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(66.309.939)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.404.578.835	1.277.938.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.404.578.835	1.277.938.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		97.198.053.173	82.833.237.072

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.451.851.990	24.010.138.071
I. Nợ ngắn hạn	310		28.451.851.990	24.010.138.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.604.926.562	4.436.354.052
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.256.516.568	157.584.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.404.730.179	1.932.792.709
4. Phải trả người lao động	314		579.220.505	379.265.971
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.469.039.180	3.510.761.399
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.751.759.309	3.657.662.079
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	12.590.000.000	9.160.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.795.659.687	775.717.362
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.746.201.183	58.823.099.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	68.746.201.183	58.823.099.001
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.378.500.000	41.103.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.378.500.000	41.103.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.146.473.989	16.498.671.807
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		882.964.169	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.263.509.820	16.498.671.807
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		97.198.053.173	82.833.237.072



Trần Thị Ngọc Mai
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2021



Lê Hữu Cảnh
Kế toán trưởng



Đỗ Huy Đạt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		396.381.056.674	357.734.976.119
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	396.381.056.674	357.734.976.119
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	360.416.321.005	324.913.999.764
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.964.735.669	32.820.976.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.059.330.270	1.123.674.738
7. Chi phí tài chính	22	26	971.624.495	537.436.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		905.314.556	537.436.617
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	13.474.243.879	11.955.257.758
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		22.578.197.565	21.451.956.718
10. Thu nhập khác	31	29	3.066.272.031	5.389.967.701
11. Chi phí khác	32		32.747.628	732.293.635
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.033.524.403	4.657.674.066
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.611.721.968	26.109.630.784
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.210.362.148	5.466.548.068
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.401.359.820	20.643.082.716
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.669	4.715

Trần Thị Ngọc Mai
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Lê Hữu Cảnh
Kế toán trưởng



Đỗ Huy Đạt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.611.721.968	26.109.630.784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.085.819.139	5.653.802.492
- Các khoản dự phòng	03	66.309.939	450.139.776
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.059.330.270)	(5.090.348.491)
- Chi phí lãi vay	06	905.314.556	537.436.617
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(194.682.655)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.415.152.677	27.660.661.178
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(926.434.118)	(2.568.823.239)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(58.861.135)	914.463.517
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	650.670.463	(4.163.536.456)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.396.173.094)	659.602.908
- Tiền lãi vay đã trả	14	(905.314.556)	(537.436.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.754.928.561)	(5.197.869.973)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(210.145.313)	(191.010.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.813.966.363	16.576.051.002
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.072.884.329)	(9.528.129.711)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.507.090.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.100.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.000.000.000	1.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.500.000.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.465.117.818	1.634.827.314
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.792.233.489	(21.586.211.487)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	63.190.000.000	51.860.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.760.000.000)	(47.820.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.248.170.000)	(12.330.960.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.818.170.000)	(8.290.960.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.788.029.852	(13.301.120.485)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.044.995.875	17.346.116.360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	22.833.025.727	4.044.995.875



Trần Thị Ngọc Mai
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2021



Lê Hữu Cảnh
Kế toán trưởng



Đỗ Huy Đạt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01/07/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/10/2005, sửa đổi lần thứ 12 số 0200155561 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/09/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 12 của Công ty là 51.378.500.000VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2020 là 115 người (tại ngày 31/12/2019 là 108 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV; cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp; công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, danh sách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc và công ty liên kết của Công ty như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính
I Chi nhánh phụ thuộc			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Hạ Long	Ki-ốt C238, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Ecopark Hải Dương	Tầng 3 Tòa nhà Minh Anh Plaza, Số 76-80 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	Truyền tải và phân phối điện
II Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long (i)	Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Ghi chú:

(i) Chi tiết tại Thuyết minh số 15.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, nên Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên việc đánh giá về khả năng thu hồi được của những khoản nợ phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Năm 2020
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 (năm) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, các loại vật tư xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	125.121.581	220.532.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.707.904.146	3.824.463.375
Cộng	22.833.025.727	4.044.995.875

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Xí nghiệp Điện nông thôn	653.523.714	3.158.201.827
Công ty TNHH Xây dựng CN OLYMPIA	938.765.188	-
Công ty CP Đầu tư và PT Đô thị Việt Hưng	813.457.174	813.457.174
Các đối tượng khác	2.318.881.272	3.364.246.807
Cộng	4.724.627.348	7.335.905.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Bách Việt	2.231.888.821	2.555.128.897
Công ty TNHH Vận tải TM Thành Tiến	314.200.000	1.131.400.000
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS-Vina	213.444.000	166.166.000
Các đối tượng khác	1.953.395.406	958.500.447
Cộng	4.712.928.227	4.811.195.344

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Hải (i)	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	-	15.000.000.000
Ông Đỗ Huy Đạt	-	1.000.000.000
Cộng	100.000.000	16.000.000.000

Ghi chú:

(i) Theo đề nghị vay ngày 31/08/2020, số tiền vay là 100.000.000 VND, lãi suất vay 7%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	9.908.530.873	143.541.776	6.678.338.726	143.541.776
Tạm ứng	3.602.223.809	-	5.338.480.570	-
Phải thu khác	6.306.307.064	143.541.776	1.339.858.156	143.541.776
Các khoản Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	7.610.925	-
Lãi cho vay phải thu	335.308.174	143.541.776	741.095.722	143.541.776
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Phải thu do giảm giá điện đầu vào do ảnh hưởng của dịch covid 19 (*)	5.490.473.584	-	-	-
Phải thu khác	480.525.306	-	591.151.509	-

Ghi chú:

(*) Khoản phải thu lại của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng theo Quyết định số 9764/BCT-ĐTĐL của Bộ Công thương ngày 18/12/2020: “*hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đợt 2*”.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Hải - Tiền lãi vay	143.541.776	143.541.776
Ông Trần Ngọc Hải - Công trình Tam Đa	306.598.000	306.598.000
Cộng	450.139.776	450.139.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ dụng cụ	194.429.140	-	25.879.089	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	3.665.067.623	-	4.690.445.426	-
Hàng hóa	4.085.751.553	-	3.170.062.666	-
Cộng	7.945.248.316	-	7.886.387.181	-

Ghi chú:

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các công trình xây dựng đang thực hiện, số dư cuối năm chủ yếu bao gồm công trình đường bao phía Đông Nam Quận Hải An.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	1.586.388.104	316.855.069
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	49.332.635	159.154.464
Chi phí bảo hiểm	11.702.652	13.087.121
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.525.352.817	144.613.484
Dài hạn	1.404.578.835	1.277.938.776
Chi phí sửa chữa lưới điện, hệ thống nước	229.068.176	765.513.812
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	121.089.164	311.824.617
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.054.421.495	200.600.347
Cộng	2.990.966.939	1.594.793.845

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	9.996.283.396	66.969.762.725	2.275.413.272	170.252.250	79.411.711.643
Mua trong năm	2.170.000.000	-	2.892.420.726	-	5.062.420.726
Đầu tư XDCB hoàn thành	454.326.936	4.876.768.718	-	-	5.331.095.654
Giảm khác	-	(189.934.298)	-	-	(189.934.298)
Số cuối năm	12.620.610.332	71.656.597.145	5.167.833.998	170.252.250	89.615.293.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	2.133.733.210	45.205.852.611	2.000.657.418	170.252.250	49.510.495.489
Khấu hao trong năm	595.156.680	3.936.514.494	478.147.965	-	5.009.819.139
Giảm khác	-	(4.748.357)	-	-	(4.748.357)
Số cuối năm	2.728.889.890	49.137.618.748	2.478.805.383	170.252.250	54.515.566.271
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	7.862.550.186	21.763.910.114	274.755.854	-	29.901.216.154
Số cuối năm	9.891.720.442	22.518.978.397	2.689.028.615	-	35.099.727.454

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 33.459.358.238 VND (tại ngày 31/12/2019 là 31.202.639.666 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	-	-
Mua trong năm	570.000.000	570.000.000
Số cuối năm	570.000.000	570.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	76.000.000	76.000.000
Số cuối năm	76.000.000	76.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	494.000.000	494.000.000

14. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công trình điện An Đồng	18.817.564	722.462.484
Công trình điện tại 3 xã An Dương	639.453.777	728.849.068
Công trình điện tại Vĩnh Bảo	862.287.415	936.553.566
Công trình điện tại 3 xã Thủy Nguyên	1.903.281.568	684.882.727
Công trình điện Cự Viên	23.811.610	-
Công trình dự án 34 Thiên Lôi	1.457.796.070	1.457.796.070
Cộng	4.905.448.004	4.530.543.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐÀU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	4.000.000.000	66.309.939	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	4.000.000.000	66.309.939	500.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	66.309.939	500.000.000	-

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5702012647 ngày 18/09/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Điện nước Lập máy Hải Phòng đóng góp 4.000.000.000 VND (chiếm 40% vốn điều lệ). Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký nói trên.

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long có địa chỉ đăng ký tại Ki-ốt C238 Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long là: Truyền tải và phân phối điện và khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Trong năm 2020, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường với các dịch vụ cung cấp điện, nước. Tại thời điểm 31/12/2020 Công ty có khoản lỗ lũy kế là: 165.774.847 VND.

Ghi chú:

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ TM Hữu Huynh	447.992.000	447.992.000	447.992.000	447.992.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây lắp Hải Sơn - Công trình: Đường bao phía Đông Nam Quận Hải An	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000
Các đối tượng khác	1.306.934.562	1.306.934.562	2.138.362.052	2.138.362.052
Cộng	3.604.926.562	3.604.926.562	4.436.354.052	4.436.354.052

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Xí nghiệp Điện nông thôn	2.216.586.111	-
Đối tượng khác	39.930.457	157.584.499
Cộng	2.256.516.568	157.584.499

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	302.777.342	4.791.787.318	4.878.706.382	215.858.278
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.342.632.894	5.210.362.148	4.754.928.561	1.798.066.481
Thuế thu nhập cá nhân	287.382.473	1.076.381.653	972.958.706	390.805.420
Tiền thuê đất	-	700.387.000	700.387.000	-
Các loại thuế khác	-	18.502.813	18.502.813	-
Cộng	1.932.792.709	11.797.420.932	11.325.483.462	2.404.730.179

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	1.940.808.419	1.805.870.000
Các khoản trích trước chi phí các công trình XD	528.230.761	1.704.891.399
Cộng	2.469.039.180	3.510.761.399

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.752.330	-
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng công trình cấp điện, nước, thiết bị dự án đường bao Đông Nam Quận Hải An	1.887.698.148	1.887.698.148
Phải trả Ông Trần Ngọc Hải tiền nộp các công trình xây dựng	526.658.603	1.084.353.483
Các khoản phải trả khác	335.650.228	685.610.448
Cộng	2.751.759.309	3.657.662.079

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNGSố 34 đường Thiên Lôi, phường Phương Xá,
Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	59.000.000.000	60.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Chi nhánh Hải Phòng (i)	190.000.000	190.000.000	160.000.000	190.000.000	160.000.000	160.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Mai (ii)	2.400.000.000	2.400.000.000	600.000.000	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Điện nước Hạ Long (iii)	12.590.000.000	12.590.000.000	59.760.000.000	63.190.000.000	9.160.000.000	9.160.000.000
Cộng						

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/202969/HĐTD ký ngày 13/08/2020 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 10 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 12/8/2021 với mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Số dư của Hợp đồng này đến thời điểm 31/12/2020 là 10 tỷ VND theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 11/2020/HĐTD ngày 20/11/2020 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2020/HĐTD ngày 22/12/2020 với số tiền vay và lãi suất lần lượt là 6 tỷ VND (lãi suất 7%/năm) và 4 tỷ VND (lãi suất 7%/năm); thời hạn vay là 2 tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi trả vào ngày 20 hàng tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn Số 01-2020/HĐVV ngày 01/06/2020. Thời hạn vay 1 năm. Lãi suất 7%/năm. Lãi vay được trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01-HĐVT ngày 15/01/2020. Thời hạn vay 1 năm. Lãi suất 7%/năm. Lãi vay được trả vào cuối kỳ tất toán hợp đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	41.103.200.000	(50.000.000)	713.858.604	45.577.520	9.665.067.839	51.477.703.963	VND
Lãi trong năm	-	-	-	-	20.643.082.716	20.643.082.716	
Trích lập các quỹ	-	-	-	511.039.870	(1.286.757.232)	(775.717.362)	
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(8.220.640.000)	(8.220.640.000)	
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2019 (ii)	-	-	-	-	(4.110.320.000)	(4.110.320.000)	
Phân chia lợi nhuận liên doanh	-	-	-	-	(156.919.407)	(156.919.407)	
Phân chia lợi nhuận liên danh theo Hợp đồng số 0819/HĐHTKD (iii)	-	-	-	-	(34.090.909)	(34.090.909)	
Điều chỉnh khác	-	-	-	751.200	(751.200)	-	
Số dư đầu năm nay	41.103.200.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	16.498.671.807	58.823.099.001	
Tăng vốn trong năm (i)	10.275.300.000	-	-	-	(10.275.300.000)	-	
Lãi trong năm	-	-	-	-	20.401.359.820	20.401.359.820	
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	-	(1.019.942.325)	(1.019.942.325)	
Chia cổ tức năm 2019 (ii)	-	-	-	-	(4.110.320.000)	(4.110.320.000)	
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2020 (iii)	-	-	-	-	(5.137.850.000)	(5.137.850.000)	
Phân chia lợi nhuận liên danh (ii)	-	-	-	-	(244.236.222)	(244.236.222)	
Điều chỉnh khác (vi)	-	-	-	-	34.090.909	34.090.909	
Số dư cuối năm nay	51.378.500.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	16.146.473.989	68.746.201.183	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2020. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho niêm yết bổ sung theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 10/09/2020.

(ii) Phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2020, cụ thể:

	<u>Số tiền</u>
	VND
Chia cổ tức cho 2 đơn vị liên danh	244.236.222
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.019.942.325
Chia cổ tức đợt 2 năm 2019	4.110.320.000

(iii) Tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ/HĐQT ngày 04/08/2020.

(iv) Điều chỉnh phân phối lợi nhuận cổ định năm 2019 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16/08/2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	51.378.500.000	41.103.200.000
Cộng	51.378.500.000	41.103.200.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	41.103.200.000	41.103.200.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.275.300.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	51.378.500.000	41.103.200.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.248.170.000	12.330.960.000

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.137.850	4.110.320
- Cổ phiếu phổ thông	5.137.850	4.110.320
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.137.850	4.110.320
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.381.056.674	357.734.976.119
Doanh thu bán điện	384.463.375.437	349.065.714.033
Doanh thu bán nước	10.155.777.911	6.963.838.306
Doanh thu hợp đồng xây dựng	942.136.079	1.125.037.894
Doanh thu khác	819.767.247	580.385.886
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.381.056.674	357.734.976.119

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bán điện	353.105.240.641	318.697.192.008
Giá vốn của dịch vụ bán nước	6.024.077.701	5.050.173.702
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	964.389.667	1.102.537.136
Giá vốn của dịch vụ khác	322.612.996	64.096.918
Cộng	360.416.321.005	324.913.999.764

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.059.330.270	1.123.674.738
Cộng	1.059.330.270	1.123.674.738

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	905.314.556	537.436.617
Dự phòng đầu tư tài chính	66.309.939	-
Cộng	971.624.495	537.436.617

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	12.957.900.194	14.249.750.432
Chi phí nhân công	18.169.045.334	16.095.896.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.085.819.139	5.653.802.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.025.539.226	1.334.360.309
Chi phí khác bằng tiền	13.465.897.802	8.121.820.722
Chi phí dự phòng	-	450.139.776
Cộng	66.704.201.695	45.905.770.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.379.709.307	5.654.951.917
Chi phí khấu hao TSCĐ	622.454.298	445.998.869
Thuế, phí và lệ phí	799.707.995	572.871.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.799.880	904.014.940
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	450.139.776
Các khoản chi phí QLDN khác	5.971.572.399	3.927.280.443
Cộng	<u>13.474.243.879</u>	<u>11.955.257.758</u>

29. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập từ bồi thường, hỗ trợ hoàn trả công trình đường điện	-	4.029.117.396
Doanh thu dịch vụ chuyển công tơ, đo đếm	803.149.544	594.341.364
Doanh thu dịch vụ trông coi xe ô tô	625.699.999	545.254.540
Doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng	137.978.820	187.617.813
Hoàn nhập chi phí đã trích trước vào các công trình	1.225.224.635	-
Thu nhập khác	274.219.033	33.636.588
Cộng	<u>3.066.272.031</u>	<u>5.389.967.701</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	25.611.721.968	26.109.630.784
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	440.088.774	1.223.109.556
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	440.088.774	1.223.109.556
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	126.500.000	119.000.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	313.588.774	1.104.109.556
Thu nhập chịu thuế	26.051.810.742	27.332.740.340
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.210.362.148</u>	<u>5.466.548.068</u>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và lợi nhuận kế toán là 440.088.774 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.401.359.820	20.643.082.716
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(1.264.178.547)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.019.942.325)
- Chia lãi liên danh	-	(244.236.222)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.401.359.820	19.378.904.169
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.369.314	4.110.320
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.669	4.715
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2020, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm trước được trình bày lại sau khi điều chỉnh số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2020.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	12.590.000.000	9.160.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(22.833.025.727)	(4.044.995.875)
Nợ thuần	(10.243.025.727)	5.115.004.125
Vốn chủ sở hữu	68.746.201.183	58.823.099.001
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	8,7%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.833.025.727	4.044.995.875
Phải thu về cho vay	100.000.000	16.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.183.018.445	13.564.104.758
Đầu tư tài chính dài hạn	3.933.690.061	500.000.000
Tổng cộng	41.049.734.233	34.109.100.633
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.356.685.871	8.094.016.131
Chi phí phải trả	2.469.039.180	3.510.761.399
Vay và nợ thuê tài chính	12.590.000.000	9.160.000.000
Tổng cộng	21.415.725.051	20.764.777.530

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND		VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.833.025.727	-	-	22.833.025.727
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.183.018.445	-	-	14.183.018.445
Phải thu về cho vay	100.000.000	-	-	100.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.933.690.061	3.933.690.061
Tổng cộng	37.116.044.172	-	3.933.690.061	41.049.734.233
Số cuối năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	6.356.685.871	-	-	6.356.685.871
Chi phí phải trả	2.469.039.180	-	-	2.469.039.180
Vay và nợ thuê tài chính	12.590.000.000	-	-	12.590.000.000
Tổng cộng	21.415.725.051	-	-	21.415.725.051
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.700.319.121	-	3.933.690.061	19.634.009.182
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND		VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.044.995.875	-	-	4.044.995.875
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.564.104.758	-	-	13.564.104.758
Phải thu về cho vay	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	33.609.100.633	-	500.000.000	34.109.100.633
Số đầu năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	8.094.016.131	-	-	8.094.016.131
Chi phí phải trả	3.510.761.399	-	-	3.510.761.399
Vay và nợ thuê tài chính	9.160.000.000	-	-	9.160.000.000
Tổng cộng	20.764.777.530	-	-	20.764.777.530
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.844.323.103	-	500.000.000	13.344.323.103

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC

Trong năm, Công ty tham gia vào các hợp đồng liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cự Viên, Quận Kiến An - Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08/03/2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu Đô thị Cự Viên, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng; Tài sản khai thác là Hệ thống đường dây và Trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đầu tư là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND, trong đó Công ty góp 60%, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP góp 40%; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 08 - 09/HĐLS ngày 01/08/2009 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê dôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+ 950); Tài sản khai thác là Hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 100.000.000 VND, trong đó Công ty góp 60%, Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng góp 40%; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30/03/2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại “Dự án Sun Premier Village Hạ Long Bay” và “Dự án Sun Plaza Grand World” có hiệu lực đến hết năm 2023. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối); hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty CP Điện nước lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 65% cho Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long và 35% cho Công ty CP Điện nước Lắp máy Hải Phòng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16/08/2019 với Công ty CP Đầu tư và Xây lắp thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đợt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nói đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn phường Đông Hải, phường Dư Hàng Kênh thuộc Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác như sau: năm 2019 là 37.500.000 đồng, từ năm 2020 là 100.000.000 đồng/năm.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10/01/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) có hiệu lực đến hết năm 2025. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 50% cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương và 50% cho Công ty CP Điện nước Lắp máy Hải Phòng. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty CP Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	Cùng chung thành viên có quyền quyết định chính sách, tài chính
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt		
Cho vay	-	15.000.000.000
Ông Đỗ Huy Đạt		
Cho vay	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long		
Đầu tư vào công ty liên kết	4.000.000.000	500.000.000

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt		
Cho vay	22.000.000.000	35.000.000.000
Thanh toán tiền vay	37.000.000.000	30.000.000.000
Ông Đỗ Huy Đạt		
Cho vay	-	1.000.000.000
Thanh toán tiền vay	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long		
Góp vốn thành lập công ty	3.500.000.000	500.000.000
Đi vay	3.000.000.000	-
Thanh toán nợ vay	600.000.000	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	4.253.630.766	2.784.415.230
Cổ tức nhận được từ Công ty	9.488.684.000	12.191.582.000

35. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và xây dựng.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

35. THÔNG TIN BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	384.463.375.437	10.155.777.911	942.136.079	819.767.247	396.381.056.674
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	384.463.375.437	10.155.777.911	942.136.079	819.767.247	396.381.056.674
Giá vốn bộ phận	353.105.240.641	6.024.077.701	964.389.667	322.612.996	360.416.321.005
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.358.134.796	4.131.700.210	(22.253.588)	497.154.251	35.964.735.669
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	349.065.714.033	6.963.838.306	1.125.037.894	580.385.886	357.734.976.119
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	349.065.714.033	6.963.838.306	1.125.037.894	580.385.886	357.734.976.119
Giá vốn bộ phận	318.697.192.008	5.050.173.702	1.102.537.136	64.096.918	324.913.999.764
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	30.368.522.025	1.913.664.604	22.500.758	516.288.968	32.820.976.355

36. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.014	(299)	4.715



Trần Thị Ngọc Mai
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2021



Lê Hữu Cảnh
Kế toán trưởng



Đỗ Huy Đạt
Tổng Giám đốc